TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2025/DS-ST
Ngày: 30/6/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Đạt
2. Nguyễn Như Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuý Loan – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 715/2024/DSST ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín; Địa chỉ trụ sở: Số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Nhung.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang Trung Hiếu, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 30/20 Gò Dầu Tân Sơn Nhi, phường Tân phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 1140/2024/UQ-TT.XLN ngày 19/3/2024) Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Phan Thị Cẩm T, sinh năm: 1984; Địa chỉ thường trú: 47/15 N, Phường N, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: B2-06-11 Chung cư Lavida Plus, đường Nguyễn Văn Linh phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các Bản tự khai, Biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn có ông Nguyễn Quang Trung Hiếu là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 11/8/2022, Bà T có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
Visa	472074 - 5982	50.000.000	08/11/2022	2.48%

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 419.845.168 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 378.173.258 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 10/01/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 52.151.132 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu Bà T trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 30/06/2025 là 92.047.361 đồng. Cụ thể là: Lãi suất áp dụng

ĐVT: đồng

Loại thẻ	Số thẻ	Nợ gốc	Lãi quá hạn	Lãi suất áp dụng
Visa	472074 - 5982	52.151.132	39.896.229	3.72% (2.48% x 150%)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn Bà Phan Thị Cẩm T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyên đơn có những yêu cầu sau:

- Buộc bà Phan Thị Cẩm T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/6/2025 là 92.047.361 đồng (bằng chữ: Chín mươi hai triệu, không trăm bốn mươi bảy ngàn, ba trăm sáu mươi mốt đồng) trong đó:
    - Dư nợ gốc: 52.151.132 đồng
    - Lãi quá hạn: 39.896.229 đồng
- Và bà Phan Thị Cẩm T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/7/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về phía bị đơn bà Phan Thị Cẩm T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bà Phan Thị Cẩm T đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng bà Phan Thị Cẩm T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử Tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn là: B2-06-11 Chung cư Lavida Plus, đường Nguyễn Văn Linh phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo địa chỉ được bà Phan Thị Cẩm T

ghi trong giao dịch Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng và các văn bản khác với nguyên đơn đều thể hiện bà Phan Thị Cẩm T tạm trú tại địa chỉ: B2-06-11 Chung cư Lavida Plus, đường Nguyễn Văn Linh phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 672/2024/QĐ-CCTLCC ngày 13/11/2024 của Tòa án nhân dân Quận 7 *"Bà Phan Thị Cẩm T sinh năm 1984 không có đăng ký thường trú, tạm trú và hiện không thực tế cư trú tại B2-06-11 Chung cư Lavida Plus, đường Nguyễn Văn Linh phường Tân phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh."* Và theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 978/2024/QĐ-CCTLCC ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân Quận 7 *"Đương sự bà Phan Thị Cẩm T – sinh năm 1984 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại nhà địa chỉ 47/15 Nguyễn Tư Giãn, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại đương sự trên không còn cư trú tại nhà địa chỉ trên. Thời gian không còn cư trú tại địa chỉ trên là từ năm 2017 đến nay. Đi đâu không rõ."*

Bà T có ghi địa chỉ trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, bà T không cung cấp địa chỉ mới cho Ngân hàng được xem là cố tình dấu địa chỉ và địa chỉ nguyên đơn cung cấp theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được xem là địa chỉ cư trú cuối cùng do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện, khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay. Đây là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Đối với bị đơn bà Phan Thị Cẩm T là trường hợp đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ

Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bà Phan Thị Cẩm T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/6/2025 là 92.047.361 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 52.151.132 đồng; Lãi quá hạn là: 39.896.229 đồng; Yêu cầu trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra kể từ ngày 30/6/2025 trở đi, bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 11/8/2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và bà Phan Thị Cẩm T, bảng sao kê tài khoản và các chứng cứ khác trong hồ sơ có cơ sở xác định bà Phan Thị Cẩm T có đề nghị vay và đã được nguyên đơn chấp thuận cho vay với hạn mức 120.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 01/10/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/6/2025 bà Phan Thị Cẩm T còn nợ số tiền là: 92.047.361 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 52.151.132 đồng; Lãi quá hạn là: 39.896.229 đồng.

[3.2] Căn cứ theo các điều khoản ký kết trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 11/8/2022 thì bà Phan Thị Cẩm T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì "bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Đến nay bị đơn bà Phan Thị Cẩm T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 30/6/2025 bà Phan Thị Cẩm T còn nợ số tiền là: 92.047.361 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 52.151.132 đồng; Lãi quá hạn là: 39.896.229 đồng là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết, phù hợp Điều 22, 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm theo hợp đồng và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 11/8/2022 cho đến khi trả hết nợ.

[3.3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là 4.551.071 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín và bị đơn bà Phan Thị Cẩm T.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

2.1. Buộc bà Phan Thị Cẩm T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền nợ tính đến ngày 30/6/2025 bà Phan Thị Cẩm T còn nợ số tiền là: 92.047.361 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 52.151.132 đồng; Lãi quá hạn là: 39.896.229 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

2.2 Kể từ ngày 01/7/2025 trở đi, bà Phan Thị Cẩm T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 11/8/2022 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thi hành án xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị Cẩm T phải chịu 4.602.368 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 1.722.381 (Một triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn ba trăm tám mươi mốt) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0036663 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung

năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và bị đơn bà Phan Thị Cẩm T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (TK. Loan).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Phương

TAND QUẬN 7
GNK300625.TL.QDBA
1666